**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

 **TRƯỜNG THCS ....... NĂM HỌC: 2021-2022**

**Họ và tên:………………………….**

**Lớp 7A , Ngày…………………….**

 **MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI:7**

 ***(Thời gian làm bài: 45 phút)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Điểmbằng số | Điểmbằng chữ | Nhận xét của giáo viên | Họ tên và chữ ký |
|  |  | Giám khảo 1:  Giám khảo 2:   |

 **TRẮC NGHIỆM 40 Câu**

Lựa chọn phương án trả lời đúng nhất trong các câu sau (mỗi câu đúng 0,25 điểm)

**Câu 1:** Dân cư phân bố thưa thớt ở những khu vực nào sau đây

   **A.** đồng bằng. **B.** các trục giao thông lớn.

    **C.** ven biển, các con sông lớn. ***D.*** hoang mạc, miền núi, hải đảo.

**Câu 2:** Quần cư nông thôn phổ biến hoạt động kinh tế nào sau đây?

    **A.** Công nghiệp và dịch vụ.    ***B.*** Nông – lâm – ngư – nghiệp.

    **C.** Công nghiệp và nông –lâm – ngư - nghiệp.   **D.** Dịch vụ và nông – lâm – ngư nghiệp.

**Câu 3:** Nhóm tuổi trên độ tuổi lao động là

**A.**Từ 0-14tuổi **B.** Từ 15-59 tuổi **C.**Từ 18 -55 tuổi ***D.*** Trên 60 tuổi

**Câu 4:** Tokyo là siêu đô thị trên 8 triệu dân nằm ở châu lục nào?

***A*.** Châu Á. **B.** Châu Mĩ. **C.** Châu Phi. **D.** Châu Âu.

**Câu 5:** Tháp dân số có đáy rộng đỉnh nhọn thể hiện:

**A.** Cơ cấu dân số già

***B*.** Cơ câu dân số trẻ

**C.**Cơ cấu dân số ổn định

**D.** **S**ố người trên tuổi lao động nhiều

**Câu 6:** Gia tăng dân số cơ giới phụ thuộc vào

  **A.** Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm.

   **B.** Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người từ nơi khác đến trong một năm.

  **C.** Sự tương quan giữa số trẻ sinh ra và số người chuyển đi trong một năm.

***D.*** Sự tương quan giữa số người chuyển đi và số người từ nơi khác đến trong một năm.

**Câu 7:** Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta là

**A.** xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn

**B.** phân bố lại lực lượng lao động trên quy mô cả nước

**C.** hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động

***D.*** đẩy mạnh phát triển các hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở các đô thị.

**Câu 8:** Tình hình phân bố dân cư của một địa phương, một nước,…được thể hiện qua

 ***A.*** số liệu về mật độ dân số. **B.** tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên .

 **C.** tỉ lệ gia tăng dân số cơ giới. **D.** tổng số dân.

**Câu 9:** Vị trí phân bố của đới nóng trên Trái Đất là

    ***A.*** nằm giữa chí tuyến Bắc và Nam.

    **B.** từ chí tuyến Bắc về vĩ tuyến 400Bắc.

    **C.** từ vĩ tuyến 400N - B đến 2 vòng cực Nam - Bắc.

    **D.** từ xích đạo đến vĩ tuyến 200 Bắc – Nam.

**Câu 10:** Môi trường xích đạo ẩm là môi trường có lượng mưa trung bình năm

**A.** từ 500mm – 1000 mm. **B.** từ 1500mm – 2000 mm.

**C.** từ 500mm – 1500 mm. ***D.*** từ 1500mm – 2500 mm.

**Câu 11:** Khu vực điển hình trong môi trường nhiệt đới gió mùa ?

**A.** Bắc Á - Đông Á **B.** Đông Á – Đông Nam Á

***C.*** Đông Nam Á – Nam Á **D.** Nam Á – Tây Nam Á.

**Câu 12:** Vấn đề ô nhiễm môi trường ở đới nóng chủ yếu liên quan đến

    **A.** sản xuất công nghiệp. **B.** sản xuất nông nghiệp.

   **C.** gia tăng dân số. **D.** hoạt động du lịch.

**Câu 13:** Cứ lên cao 100m, nhiệt độ không khí lại giảm xuống 0,6 0**C.** Vậy lên cao 1000m, nhiệt độ không khí giảm xuống bao nhiêu 0C ?

**A.** 0,60C ***B.*** 60C **C.** 120C **D.** 200C

**Câu 14:** Sự biệt khác nhất của sườn đón gió so với sườn khuất gió là

**A.** mưa ít, thực vật kém phát triển hơn.

***B.*** mưa nhiều, thực vật phát triển xanh tốt hơn.

**C.** khí hậu nắng nóng, khô hạn hơn.

**D.** khí hậu lạnh, khô, ít mưa

**Câu 15:** Chiếm diện tích lớn nhất ở đới ôn hòa là:

    **A.** Môi trường ôn đới hải dương.

  ***B.*** Môi trường ôn đới lục địa.

    **C.** Môi trường hoang mạc.

    **D.** Môi trường địa trung hải.

**Câu 16:** Vị trí trung gian đã ảnh hưởng đến đặc điểm thời tiết ở đới ôn hòa như thế nào?

    ***A.*** Thời tiết thay đổi thất thường.

   **B.** Thời tiết quanh năm ôn hòa, mát mẻ.

    **C.** Quanh năm chịu ảnh hưởng của các đợt khí lạnh.

    **D.** Nhiệt độ không quá nóng, không quá lạnh.

**Câu 17:** Sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa không phải do tác động của nhân tố nào sau đây?

**A.** Các đợt khí lạnh.

**B.** Các đợt khí nóng.

***C*.** Dải hội tụ nhiệt đới.

 **D.** Gió Tây ôn đới.

**Câu 18:**Môi trường đới lạnh thảm thực vật vùng đài nguyên đặc trưng là

    **A.** rừng rậm nhiệt đới. **B.** xa van, cây bụi.

    ***C.*** rêu, địa y. **D.** rừng lá kim.

**Câu 19:** Phần lớn các hoang mạc nằm

    **A.** châu Phi và châu Á.

    ***B*.** hai bên đường chí tuyến và giữa đại lục Á-Âu.

    **C.** châu Phi và châu Âu.

   **D.** châu Âu và nằm sâu trong nội địa.

**Câu 20:** Sự phân tầng của thực vật theo độ cao ở vùng núi là do ảnh hưởng của sự thay đổi

**A.** đất đai theo độ cao. **B.** khí áp theo độ cao.

***C.*** nhiệt độ và độ ẩm theo độ cao. **D.** lượng mưa theo độ cao.

**Câu 21:** Lương mưa trung bình năm ở đới lạnh là

***A.*** dưới 500mm. **B.** trên 2000mm.

C. từ 500mm đến 1000mm. **D.** từ 1000mm đến 1500mm.

**Câu 22:** Thiên tai xảy ra thường xuyên ở đới lạnh là

   **A.** núi lửa. **B.** bão cát.  ***C.*** bão tuyết.   **D.** động đất.

**Câu 23:** Đâu không phải là đặc điểm để thích nghi với giá rét của động vật vùng đới lạnh?

    **A.** Lông dày. **B.** Mỡ dày.

   **C.** Lông không thấm nước. ***D*.** Da thô cứng.

**Câu 24:** Các dân tộc ở miền núi Châu Á thường sống ở

    ***A.*** vùng núi thấp, khí hậu mát mẻ.

    **B.** độ cao trên 3000mm, nơi có đất bằng phẳng.

    **C.** sườn núi cao chắn gió, có nhiều mưa.

    **D.** sườn khuất gió, khí hậu khô, nóng.

**Câu 25:** Một số loài động vật ở đới lạnh thường sống thành đàn đông đúc với nhau để

**A.** giữ thức ăn cho nhau **B.**đỡ tiêu hao năng lượng

***C*.** bảo vệ và sưởi ấm cho nhau **D.** cùng nhau di cư và sinh sản

**Câu 26:** Ý nào sau đây không phải là những khó khăn ở môi trường vùng núi?

***A.*** Xâm nhập mặn.

**B.** Lũ quét, sạt lở đất

**C.** Giao thông khó khăn.

**D.** Đất đai dễ xói mòn, rửa trôi, thoái hoá.

**Câu 27:** Phân bố chủ yếu ở độ cao trên 3000m là các dân tộc ít người thuộc

**A.** Châu Á **B.** Châu Âu **C.** Châu Phi ***D.*** Nam Mĩ

**Câu 28:** Nguyên nhân nào làm cho diện tích băng ở hai cực đang ngày càng bị thu hẹp?

  **A.** Do con người dùng tàu phá bang.

 ***B.*** Do Trái Đất đang nóng lên.

    **C.** Do nước biển dâng cao.

**D.** Do ô nhiễm môi trường nước.

**Câu 29:** Ở đới nóng lên đến độ cao nào của núi sẽ có băng tuyết?

    **A.** 3000m  **B.** 4000m  ***C.*** 5500m.   **D.** 6500m.

**Câu 30:** Đới ôn hoà không có vành đai thực vật

    **A.** đồng cỏ núi cao. ***B.*** rừng rậm.

    **C.** rừng hỗn giao. **D.** rừng lá kim.

**Câu 31:** Sự phân chia các lục địa mang ý nghĩa về

  **A.** lịch sử. **B.** kinh tế.

    **C.** chính trị. ***D.*** tự nhiên.

**Câu 32:** Trên thế giới có các lục địa:

***A.*** Á - Âu, Phi, Bắc Mĩ, Nam Mĩ, Ô-xtrây-li-a, Nam Cực.

**B.** Á, Âu, Mĩ, Phi, Ô-xtrây-li-a, Nam Cực.

**C.** Âu, Á, Phi, Bắc Mĩ, Nam Mĩ, Bắc Cực.

**D.** Phi, Mĩ, Ô-xtrây-li-a và Đại dương, Nam Cực, Bắc Cực.

**Câu 33:** Dạng địa hình chủ yếu ở châu Phi là

 **A.** núi cao và đồng bằng. ***B.*** bồn địa và sơn nguyên.

 **C.** đồng bằng và bồn địa. **D.** sơn nguyên và núi cao.

**Câu 34:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu châu Phi là

**A.** mùa đông ấm áp, mưa lớn. ***B.*** nóng và khô bậc nhất thế giới.

**C.** khô và lạnh bậc nhất thế giới. **D.** nóng và ẩm mưa lớn quanh năm.

Câu 35: Châu Phi là châu lục lớn hàng thứ ba trên thế giới sau

 **A.** châu Đại Dương. **B.** châu Á và châu Âu.

 ***C.*** châu Á và châu Mĩ. **D.** châu Âu và châu Mĩ.

**Câu 36:** Châu Phi có khí hậu nóng do

    **A.** đại bộ phận lãnh thổ nằm ngoài hai đường chí tuyến.

***B.*** đại bộ phận lãnh thổ nằm giữa hai đường chí tuyến.

    **C.** có nhiều hoang mạc và bán hoang mạc.

    **D.** chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các dòng biển nóng ven bờ.

**Câu 37:** Đặc điểm kinh tế nhiều nước châu Phi là

    **A.** nền kinh tế hàng hóa.

    **B.** nền kinh tế thị trường.

   ***C.*** nền kinh tế tự cấp, tự túc.

**D.** nền kinh tế phụ thuộc.

**Câu 38:** Các thành phố của châu Phi thường tập trung ở

    **A.** trên các cao nguyên. **B.** tại các bồn địa.

   ***C.*** một số nơi ven biển **D.** vùng đồng bằng.

**Câu 39:** Bồn địa Công Gô và miền duyên hải phía Bắc vịnh Ghi nê thuộc kiểu môi trường

 **A.** nhiệt đới ***B.*** xích đạo ẩm **C.**hoang mạc **D.**địa trung hải

**Câu 40:** Nguyên nhân khiến hàng chục triệu người ở châu Phi thường xuyên bị nạn đói đe dọa là

    **A.** sự thống trị của các nước chủ nghĩa thực dân.

    ***B.*** bùng nổ dân số và hạn hán.

   **C.** đại dịch AIDS, dịch bệnh đe dọa.

  **D.** xung đột sắc tộc.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **D** | **A** | **B** | **D** | **D** | **A** | **A** | **D** | **C** | **C** | **B** | **B** |  **B** | **A** | **C** | **C** | **B** | **C** |
| **Câu**  | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **Đáp án** | **A** | **C** | **D** | **A** | **C** | **A** | **D** | **B** | **C** | **B** | **D** | **A** | **B** | **B** | **C** | **B** | **C** | **C** | **B** | **B** |